

BÀI 13. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN 1975

Thang điểm ... /58

(Phần 1 có 30 câu, mỗi câu 1 điểm = 30 điểm; phần 2 có 7 câu, mỗi câu 4 ý, mỗi ý 1 điểm = 28 điểm)

PHẦN 1 – CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1: Một trong những thuận lợi của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa sau cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. nhân dân hăng hái ủng hộ cách mạng.
- B. được sự công nhận của các cường quốc.
- C. là thành viên của tổ chức Liên hợp quốc.
- D. thực dân Pháp bị suy yếu nghiêm trọng.

Câu 2: Một trong những khó khăn của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa sau cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. phát xít Nhật chưa chấp nhận đầu hàng.
- B. phải đối phó với thù trong và giặc ngoài.
- C. hai mươi vạn quân Tưởng ở miền Nam.
- D. Anh, Mỹ cho Pháp tiến quân miền ra Bắc.

Câu 3: Năm 1945, một trong những hoạt động đối ngoại của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là

- A. gửi Công hàm đề nghị các nước lớn công nhận chúng ta.
- B. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Việt Nam cử đại biểu tham dự Đại hội Quốc tế cộng sản.
- D. ký với đại diện của chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ.

Câu 4: Ngày 6-3-1946, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ký với đại diện của Chính phủ Pháp bản hiệp định nào sau đây?

- A. Bản Môn Điểm.
- B. Giơ-ne-vơ.
- C. Paris.
- D. Sơ bộ.

Câu 5: Một trong những đối tượng của hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tiến hành từ sau cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. Pháp.
- B. Cuba.
- C. Ai Cập.
- D. Italia.

Câu 6: Trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954 nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã mở các cơ quan đại diện ở

- A. châu Phi.
- B. châu Mỹ.
- C. châu Úc.
- D. châu Á.

Câu 7: Một trong những quốc gia mà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1950 là

- A. Trung Quốc.
- B. Cuba.
- C. Ai Cập.
- D. Italia.

Câu 8: Cơ sở thành lập liên minh Việt-Miên-Lào (1951) là

- A. hợp tác.
- B. chiến đấu.
- C. tự nguyện.
- D. nhanh chóng.

Câu 9: Hội nghị Giơ-ne-vơ (1954) được triệu tập để giải quyết vấn đề nào sau đây?

- A. Đông Đức.
- B. Đông Dương.
- C. Cam-pu-chia.
- D. Trung Đông.

Câu 10: Một trong những nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1965-1975 là

- A. đòi Mỹ, Diệm thi hành hiệp định Paris.
- B. tố cáo tội ác của chiến tranh xâm lược.
- C. đòi quyền tự do dân sinh và dân chủ.
- D. bảo vệ chủ quyền trên biển Đông của ta.

Câu 11: Nội dung nào sau đây là mục đích của các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tiến hành trong giai đoạn 1954-1960?

- A. đòi Mỹ, Diệm thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ.
- B. tố cáo tội ác của chính quyền Sài Gòn gây ra.
- C. đấu tranh đòi quyền tự do dân sinh và dân chủ.
- D. bảo vệ ranh giới giữa hai miền là vĩ tuyến 17.

Câu 12: Hội nghị Paris (1969-1973) được tổ chức với mục đích nào sau đây?

- A. Chống lại âm mưu xâm lược bán đảo Đông Dương.
- B. Thiết lập liên minh giữa các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Tìm giải pháp kết thúc cuộc chiến tranh Việt Nam.
- D. Thương lượng để kết thúc cuộc khủng hoảng tên lửa.

Câu 13: Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Pháp đã công nhận Việt Nam là quốc gia

- A. độc lập.
- B. tự do.
- C. dân chủ.
- D. dân quyền.

Câu 15: Một trong những nội dung của quyền dân tộc cơ bản là

- A. độc lập.
- B. tự do.
- C. hạnh phúc.
- D. công bằng.

Câu 16: Nội dung nào sau đây là mục đích của các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tiến hành từ sau cách mạng tháng Tám đến trước 19-12-1946 là

- A. tranh thủ, tập trung phát triển kinh tế đất nước.
- B. xin gia nhập vào các tổ chức hòa bình quốc tế.
- C. yêu cầu các nước thiết lập quan hệ ngoại giao.
- D. để tránh một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

Câu 17: Các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tiến hành từ sau cách mạng tháng Tám phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Không vi phạm đến chủ quyền dân tộc.
- B. Không nhân nhượng thỏa hiệp với Pháp.
- C. Nhân nhượng tất cả yêu cầu của Tưởng.
- D. Giải quyết xung đột bằng thương lượng.

Câu 18: Nội dung nào sau đây thể hiện mục đích của việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Pháp bản tạm ước 14-9-1946

- A. Kéo dài thời gian hòa bình để chuẩn bị kháng chiến.
- B. Tranh thủ thời gian để điều động bộ đội từ Nam ra.
- C. Đợi chi viện từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em.
- D. Tranh thủ khi lực lượng Pháp còn yếu để đàm phán.

Câu 19: Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ đến Paris đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa?

- A. Vạn Tường. B. Đồng Xoài. C. Mậu Thân. D. Núi Thành.

Câu 20: Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ phải chấp nhận ký hiệp định Paris?

- A. Điện Biên Phủ trên không. B. Tiến công chiến lược 1972.
C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng. D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 21: Các hoạt động đối ngoại thực hiện trong giai đoạn từ sau cách mạng tháng Tám đến trước ngày 19-12-1946 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Tạo điều kiện cho các chiến dịch quân sự diễn ra.
B. Tập hợp quần chúng đứng dưới ngọn cờ của Đảng.
C. Tranh thủ thời gian hòa hoãn để chờ sự chi viện.
D. Bảo vệ thành quả của cách mạng tháng Tám 1945.

Câu 22: Một trong những kết quả đem lại cho cách mạng nước ta từ việc ký hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 là

- A. đẩy hai mươi vạn quân Tưởng về nước.
B. Pháp còn ở Việt Nam mười ngàn quân.
C. Pháp công nhận độc lập cho Việt Nam.
D. các nước xã hội chủ nghĩa đã viện trợ.

Câu 23: Đây là kết quả mà cách mạng nước ta đạt được khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954?

- A. thống nhất đất nước. B. miền Bắc giải phóng.
C. miền Nam giải phóng. D. đánh bại đế quốc Mỹ.

Câu 24: Đây là kết quả mà cách mạng nước ta đạt được khi ký Hiệp định Paris 1973?

- A. đánh bại hoàn toàn đế quốc Mỹ. B. so sánh lực lượng có lợi cho ta.
C. thống nhất đất nước về lãnh thổ. D. nhận được sự viện trợ lớn từ Nhật.

Câu 25: Sự kiện nào đây có ý nghĩa là bước ngoặt mới đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975 của nhân dân ta?

- A. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương. B. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
C. Hiệp định Paris được ký kết (1973). D. Chiến thắng Lam Sơn 719 (1971).

Câu 26: Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau cơ bản giữa Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) và Hiệp định Paris (1973)?

- A. Điều buộc các nước đế quốc chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút hết quân về nước.
B. Là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền tự do cơ bản của nhân dân Việt Nam.
C. Các bên thừa nhận trên thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội.
D. Thỏa thuận các bên ngừng bắn thực hiện chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.

Câu 27: Một trong những nguyên tắc cơ bản, quan trọng để đàm phán Hiệp định sơ bộ 1946, Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 và Hiệp định Paris 1973 là

- A. tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
B. phạm vi đóng quân chia thành vùng riêng biệt.
C. các bên tham chiến phải nhanh chóng rút quân..
D. không được sử dụng các loại vũ khí hủy diệt.

Câu 28: Từ thắng lợi của ta trong Hội nghị Pari (1973), Đảng đã rút ra bài học kinh nghiệm gì cho đường lối ngoại giao hiện nay?

- A. Thực hiện đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ.
- B. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các cường quốc.
- C. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

Câu 29: Nội dung nào sau đây là hạn chế trong Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 đã được khắc phục trong Hiệp định Paris 1973?

- A. chuyển quân, tập kết.
- B. ba lực lượng chính trị.
- C. hai vùng kiểm soát.
- D. giám sát quốc tế.

Câu 30: Nhận xét nào dưới đây đối với Hiệp định Pari (1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là đúng?

- A. Kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao dài nhất, khó khăn nhất.
- B. Thắng lợi chung của khối xã hội chủ nghĩa trước âm mưu của Mỹ.
- C. Hiệp định đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- D. Là thời cơ trực tiếp để nhân dân ta tiến lên giải phóng miền Nam.

PHẦN 2 – CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 9. Ở mỗi câu, HS điền Đ trước ý đúng và S trước ý sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành trên chiến trường. Tuy nhiên đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh đấu tranh trên chiến trường mà trong tình hình quốc tế hiện nay với tính chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động.”

(Đảng cộng sản Việt Nam -2003. Văn kiện Đảng toàn tập, tập 15, NXB Chính trị quốc gia HN.tr174).

- A. Đấu tranh quân sự và chính trị làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao.
- B. Hiệp định Pari là thắng lợi của sự kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao.
- C. Việt Nam đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao nhằm tăng cường hậu phương quốc tế của Mỹ.
- D. Việt Nam đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao nhằm khoét sâu mâu thuẫn giữa Mỹ và đồng minh

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương. Hiệp định đã đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam. Hiệp định Giơnevơ cũng tạo cơ sở pháp lí quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước của Việt Nam sau đó”.

(SGK Lịch sử 12 CD. Tr77 –NXB ĐHSP).

- A. Hiệp định Giơnevơ đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam.
- B. Đây là thắng lợi lớn nhất của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập

C. Ký hiệp định Giơnevơ là tôn trọng xu thế hòa bình, hòa hoãn trên thế giới lúc bấy giờ.

D. Hiệp định Giơnevơ đã làm suy yếu hậu phương, đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Sáng ngày 27/1/1973 tại Trung tâm hội nghị quốc tế Cờ-lê-bê (Pari, Pháp), hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết, khép lại hội nghị dài nhất trong lịch sử ngoại giao thế giới-một hội nghị mà chỉ riêng kiểu dáng chiếc bàn đàm phán cũng khiến các bên phải trải qua hơn một năm thảo luận, tranh cãi với hàng chục phiên họp. Hội nghị Pa ri cũng kết thúc thắng lợi cuộc đấu tranh lâu dài nhất, khó khăn nhất trong lịch sử đối ngoại Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1975”.

(SGK Lịch sử 12, CD, tr. 73 NXB ĐHSP).

A. Hiệp định Pari đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam.

B. Hiệp định Pa ri được ký kết đã tạo ra bước ngoặt vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

C. Đã tạo thế và lực tiến tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam.

D. Bài học kinh nghiệm cho hoạt động đối ngoại hiện nay ở Việt Nam là độc lập tự chủ.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau:

Với Pháp, Việt Nam kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) đồng ý để quân đội Pháp thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật Bản ở miền Bắc. Sau đó , Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục kí với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước Việt – Pháp (14/9/1946) để kéo dài thời gian hòa bình, chuẩn bị kháng chiến.

(SGK Lịch sử 12 KNTT. Tr78 –NXB GDVN).

A. Trong năm 1946, để tránh trường hợp cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù, Việt Nam đã kí với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước Việt – Pháp.Đ

B. Mục đích của Tạm ước Việt – Pháp (14/9/1946) nhằm kéo dài thời gian hòa bình, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài sắp nổ ra.Đ

C.Theo Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946), quân Anh sẽ thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật Bản ở miền Bắc.S

D. Bản Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước Việt – Pháp (14/9/1946) đã thể hiện rõ thiện chí hòa bình của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đ

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau:

Từ năm 1950, tình hình thế giới và Việt Nam có những thay đổi nhanh chóng. Trong điều kiện đó, hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được đẩy mạnh trên nhiều hướng, nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế để kết thúc chiến tranh bằng giải pháp ngoại giao khi có điều kiện. Năm 1950, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Đây là một thắng lợi chính trị to lớn, tạo điều kiện để cho những thắng lợi quân sự sau này. Năm 1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp gỡ đại diện Đảng Cộng sản Pháp và nhiều tổ chức quốc tế, thành lập các hội hữu nghị và Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới.

(SGK Lịch sử 12 KNTT. Tr78 –NXB GDVN).

A. Từ năm 1950, hoạt động ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được đẩy mạnh.

B. Các nước xã hội chủ nghĩa là những nước đầu tiên thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

C. Những hoạt động ngoại giao sau năm 1950 quyết định đến thắng lợi trên mặt trận quân sự.

D. Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào biểu thị tinh thần đoàn kết chống thực dân Pháp.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau:

Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (năm 1945), dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng, ngành ngoại giao đã giữ vai trò tiên phong trong việc giữ vững nền độc lập nước nhà và bảo vệ thành công chính quyền cách mạng còn non trẻ. Những sách lược, quyết sách táo bạo, khôn khéo của ngoại giao, như “hòa để tiến”, “phân hóa kẻ thù”, cùng các nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, “đặt lợi ích dân tộc lên hàng đầu”... đã giúp cách mạng nước ta vượt qua được những tình huống hiểm nghèo “ngàn cân treo sợi tóc”. Đồng thời, ngoại giao đã đi đầu trong việc vận động các nước công nhận nền hòa bình và độc lập của Việt Nam.

(Phạm Bình Minh, *75 năm ngoại giao Việt Nam: Một chặng đường lịch sử*, Tạp chí Cộng sản, ngày 27/8/2020)

A. Giai đoạn 1945-1946, các hoạt động ngoại giao giữ vai trò hậu phương cho hoạt động quân sự.

B. Ngoại giao giữ vai trò tiên phong trong việc vận động các nước công nhận độc lập của Việt Nam.

C. Một trong những nguyên tắc của ngoại giao giai đoạn 1945 -1946 là “dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

D. Mục tiêu của nước ta trong thời gian này là giữ vững thành quả Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau:

Trong giai đoạn lịch sử đặc biệt này, ngoại giao Việt Nam hết sức vinh dự và cũng vô cùng may mắn khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh, “một nhà ngoại giao lỗi lạc cả về trí tuệ và nhân cách” trực tiếp lãnh đạo, dìu dắt. Không những cùng Trung ương Đảng xem xét, phân tích tình hình và đề ra những chủ trương ngoại giao đúng đắn, Người còn trực tiếp xử lý các vấn đề đối ngoại hết sức khó khăn, phức tạp, có lúc phải chấp nhận cả những hiểm nguy tính mạng khi 20 vạn quân Tưởng tràn vào miền Bắc Việt Nam với mục tiêu “diệt Cộng, cầm Hồ”. Trước một số cuộc xung đột giữa lực lượng Việt Minh và quân đội Tưởng, Người đã đề ra phương châm “dàn xếp sao cho đại sự thì thành tiểu sự và tiểu sự thì thành vô sự”. Tài ngoại giao của Người còn là việc nhìn nhận đúng thời cơ và việc sáng suốt ra những quyết sách kịp thời. Nhờ nhãn quan chính trị và sự nhạy bén trước chuyển biến mau lẹ của tình hình, vào thời điểm khi cả Pháp và Tưởng đều cần phía Việt Nam thỏa thuận với Pháp về một giải pháp mà hai bên có thể chấp nhận được để tránh cuộc xung đột mở rộng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm bắt khoảnh khắc lịch sử, kịp thời ký bản Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 theo những điều kiện có lợi nhất có thể được với Việt Nam, phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế cũng như tương quan lực lượng lúc bấy giờ.

(TS Đặng Đình Quý, *Ngoại giao trước toàn quốc kháng chiến và bài học về công tác đối ngoại hiện nay*, Báo Quân đội nhân dân, 12/3/2024)

- A. Tư liệu nói về các hoạt động ngoại giao Việt Nam trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp.
- B. Tài ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước ngày toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- C. Hiệp định Sơ bộ đã biến một hiệp ước hai bên thành thỏa thuận ba bên có lợi cho cách mạng.
- D. Cơ sở số một trong tư tưởng ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh là phục vụ nhân dân thế giới.